BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO BỘ TÀI CHÍNH

HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

NGUYỄN THỊ ANH GIANG

HUY ĐỘNG VỐN CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SỸ KINH TẾ

HÀ NỘI 2022

Công trình được hoàn thành tại

HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

---------□□---------

Người hướng dẫn khoa học: **1. TS. Bạch Đức Hiển**

2. TS. Nguyễn Thùy Linh

Phản biện 1**.....**

.....

Phản biện 2**.....**

.....

Phản biện 3**.....**

.....

Luận án sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án tiến sĩ cấp Học viện

Địa điểm: Phòng bải vệ luận án tiến sĩ, phòng .....

Thời gian vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng .....năm ……

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Hà Nội

- Thư viện Học viện Tài chính

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết của nghiên cứu

Thiếu vốn và khó khăn huy động vốn là vấn đề nổi cộm đang đặt ra của nhiều DNNVV trên địa bàn tỉnh Nghệ An, là bài toán nan giải cần được tháo gỡ từ chính mỗi DNNVV, các tổ chức cung ứng vốn và các cơ quan quản lý nhà nước. Nhận thức được đòi hỏi cấp bách đó, NCS lựa chọn vấn đề: *"Huy động vốn cho DNNVV trên địa bàn tỉnh Nghệ An"* làm đề tài luận án của mình, hy vọng sẽ đóng góp một phần trí tuệ và sức lực nhỏ bé của mình để kiến giải một vài giải pháp hoàn thiện khả năng huy động vốn cho DNNVV trên địa bàn Tỉnh Nghệ An.

2. Tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan

Đánh giá tổng quan về nội dung, mục đích, đối tượng, phương pháp tiếp cận các công trình nghiên cứu các tác giả trong và ngoài nước cho thấy:
Thứ nhất, Các nghiên cứu đã làm rõ khái niệm, đặc điểm, ưu điểm và hạn chế của DNNVV, vai trò của DNNVV đối với phát triển kinh tế - xã hội tương ứng với giai đoạn nghiên cứu. DNNVV có lợi thế quy mô nhỏ, tính linh hoạt và khả năng thích ứng cao với biến động của thị trường, dễ khởi sự, dễ len lỏi vào các thị trường "ngách" để phát triển, song cũng có hạn chế xuất phát từ quy mô vốn nhỏ.
Thứ hai, Các nghiên cứu phân tích nhân tố ảnh hưởng đến phát triển DNNVV. Đó là các nhân tố vĩ mô (môi trường thể chế, chính sách của Chính phủ, môi trường cạnh tranh) và các nhân tố vi mô (khả năng của DNNVV về vốn, công nghệ, năng lực quản lý và quản trị của chủ DN, khả năng tiếp cận thị trường của DN…)
Thứ ba, Nghiên cứu nguồn vốn, hoạt động cung ứng vốn của các tổ chức cung ứng vốn. Chỉ ra ưu điểm, hạn chế từ mỗi nguồn cung ứng vốn cho DNNVV. Các nghiên cứu đều nhận định, vốn chủ sở hữu của DNNVV hạn chế nên phải huy động vốn nợ để đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động và phát triển. Từ thực trạng đó, các nghiên cứu chỉ ra khó khăn của DNNVV khi huy động các nguồn vốn.

3. Khoảng trống nghiên cứu

Từ phần tổng quan các tài liệu trong nước và thế giới liên quan đến nguồn vốn và huy động vốn của DNNVV, cho thấy:

Thứ nhất, chưa có công trình nào nghiên cứu phân tích đầy đủ về nguồn vốn và các phương thức huy động vốn cho DNNVV đặc biệt là đề cập đến các phương thức huy động vốn mới trong điều kiện công nghệ ngày càng phát triển như quỹ đầu tư tư nhân, huy động vốn từ cộng đồng thông qua các nền tảng công nghệ.

Thứ hai, chưa có công trình nào nghiên cứu tác động tổng hợp của các nhân tố thách thức đối với huy động vốn gồm: chi phí huy động vốn, điều kiện huy động vốn, minh bạch hóa thông tin, thông tin tài chính; và các nhân tố hỗ trợ huy động vốn gồm: Đào tạo kĩ năng tài chính, chương trình kết nối doanh nghiệp với bên cung ứng vốn, hiệp hội DNNVV, chương trình hỗ trợ của chính phủ, sản giao dịch chứng khoán dành riêng cho DNNVV.

Thứ ba, chưa có công trình nghiên cứu định lượng nào được thực hiện tại địa bàn tỉnh Nghệ An.

4. Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu của luận án sẽ góp phần lấp đầy hơn những khoảng trống còn bỏ ngỏ của các công trình trên, với các mục tiêu chung: Đề xuất một số giải pháp hoàn thiện huy động vốn cho DNNVV trên địa bàn Nghệ An đến năm 2025, tầm nhìn đến 2030.

5. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

a. Đối tượng nghiên cứu: Huy động vốn cho DNNVV

b. Phạm vi nghiên cứu:

+ Các DNNVV trên địa bàn tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2016 đến 2020.

+ Giai đoạn 2016 đến 2020;

+ Quan điểm và các giải pháp hoàn thiện đề xuất cho giai đoạn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

6. Phương pháp nghiên cứu

a. Nghiên cứu định tính

Luận án sử dụng phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử để nghiên cứu các vấn đề, hiện tượng trong trạng thái động, đảm bảo tính logic, tính toàn diện và tính thực tiễn. Trên cơ sở đó, luận án đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực kinh tế như: phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp tư duy logic, phương pháp so sánh, phân tích, tổng hợp, diễn dịch, quy nạp, suy luận, logic.

b. Nghiên cứu định lượng

Phương pháp định lượng, dữ liệu sẽ được xử lý bằng máy tính và các thống kê trên phần mềm SPSS.

7. Những đóng góp mới của luận án

7.1 Về mặt lý luận

- Tổng hợp các phương thức huy động vốn của doanh nghiệp.
- Hoàn thiện lý luận về nhân tố ảnh hưởng tới hoạt động huy động vốn gồm nhân tố thách thức huy động vốn.
- Xây dựng lý luận về quy trình thực hiện huy động vốn cho DNNVV.

7.2 Về mặt thực tiễn

- Phác họa bức tranh tổng thể thực trạng huy động vốn cho DNNVV trên địa bàn Nghệ An giai đoạn 2016 đến 2020.
- Sử dụng phần mềm thống kê SPSS phân tích định lượng các nhân tố ảnh hưởng tới huy động vốn của DNNVV trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2016-2020.
- Đánh giá thực trạng huy động vốn cho DNNVV trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2016 - 2020.
- Luận án đề xuất phương hướng, quan điểm và giải pháp hoàn thiện huy động vốn cho DNNVV trên địa bàn Nghệ an đến năm 2025, tầm nhìn đến 2030.

8. Bố cục của Luận án

Nội dung luận án gồm 3 chương

Chương 1: Lý luận chung về huy động vốn cho DNNVV

Chương 2: Thực trạng huy động vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện huy động vốn cho DNNVV trên địa bàn tỉnh Nghệ An đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030

CHƯƠNG 1
LÝ LUẬN CHUNG VỀ HUY ĐỘNG VỐN CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

1.1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa

1.1.1. Khái niệm, đặc trưng của Doanh nghiệp nhỏ và vừa

1.1.1.1 Khái niệm về doanh nghiệp nhỏ và vừa

Tiêu chuẩn phân loại không thống nhất cho tất cả các nước.

Bảng 1.2: Tiêu chuẩn xác định DNNVV của ngân hàng thế giới

STT	Quy mô	Số lượng lao động	Tổng tài sản	Doanh thu
1	Siêu nhỏ	<10	<100.000 $	<400.000$
2	Nhỏ	Từ 10 đến 50	<100.000$	<3.000.000$
3	Vừa	Từ 50 đến 300	<3.000.000$	<15.000.000$

Nguồn: Tài liệu nghiên cứu chính sách số 5538 của world bank 2011[61]

1.1.1.2 Đặc trưng cơ bản của doanh nghiệp nhỏ và vừa:

Thứ nhất, DNNVV có quy mô vốn nhỏ và số lượng lao động không nhiều.

Thứ hai, ngành nghề kinh doanh của DNNVV chủ yếu tập trung ở các lĩnh vực đòi hỏi ít vốn, thời gian chu chuyển vốn nhanh.

Thứ ba, tổ chức bộ máy gọn nhẹ, linh hoạt, hiệu quả.

Thứ tư, thị phần của các DNNVV không lớn, khả năng chi phối thị trường không cao.

1.1.2 Những ưu thế và hạn chế của doanh nghiệp nhỏ và vừa

Với những đặc trưng đã phân tích ở trên, các DNNVV có những ưu thế và hạn chế nhất định, những ưu thế và hạn chế ảnh hưởng trực tiếp tới hiệu quả hoạt động của DNNVV. Những ưu thế của DNNVV là:

1.1.2.1. Những ưu thế của DNNVV

Thứ nhất, bộ máy quản lý gọn nhẹ nên hiệu quả, năng động, nhạy bén, dễ thích ứng với biến động của thị trường là ưu thế nổi trội của DNNVV.

Thứ hai, DNNVV được tạo lập dễ dàng, chi phí cố định thấp.

Thứ ba, DNNVV là thành viên chính của công nghiệp phụ trợ.

Thứ tư, DNNVV có thể khai thác được tiềm năng và thế mạnh của mỗi địa phương, tạo lập sự cân bằng trong phát triển giữa các ngành, vùng.

Thứ năm, DNNVV có tính linh hoạt đối với với các biến động của thị trường.

1.1.2.2 Những hạn chế của DNNVV

Thứ nhất, năng lực tài chính thấp.

Thứ hai, trình độ trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ của phần lớn các DNNVV không cao.

Thứ ba, trình độ tay nghề của nguồn nhân lực trong các DNNVV không cao.

Thứ tư, hoạt động của DNNVV thiếu vững chắc.

1.1.3. Vai trò của DNNVV đối với sự phát triển kinh tế - xã hội

1.1.3.1 Về kinh tế

Một, DNNVV góp phần tăng tốc độ tăng trưởng kinh tế, ổn định KTXH.

Hai, DNNVV có vai trò quan trọng trong thu hút, khai thác vốn và các nguồn lực sẵn có trong xã hội cho mục tiêu đầu tư phát triển.

Ba, DNNVV góp phần vào quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Bốn, DNNVV góp phần tăng cường và phát triển các mối quan hệ kinh tế, tạo cơ sở ra đời các DN lớn

1.1.3.2 Về khía cạnh xã hội

Một, DNNVV góp phần tạo việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp.

Hai, DNNVV có vai trò quan trọng nâng cao thu nhập của dân cư, góp phần xóa đói giảm nghèo, thực hiện công bằng xã hội.

Ba, sự phát triển của các DNNVV góp phần hình thành đội ngũ doanh nhân giỏi, tạo điều kiện phát triển các tài năng kinh doanh

1.2. Vốn và nguồn vốn của doanh nghiệp

1.2.1. Khái niệm và vai trò của vốn đối với doanh nghiệp

1.2.1.1. Khái niệm vốn

Đứng trên phương diện lý luận, có nhiều quan niệm khác nhau về vốn kinh doanh của doanh nghiệp. Tuy nhiên, có thể rút ra: "Vốn kinh doanh của doanh nghiệp là toàn bộ số tiền ứng trước mà doanh nghiệp bỏ ra để đầu tư hình thành các tài sản cần thiết cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ".

1.2.1.2. Vai trò của vốn đối với doanh nghiệp

Vai trò của vốn đối với DN như sau:

Vốn là điều kiện tiên quyết, đóng vai trò quyết định trong việc thành lập, hoạt động, phát triển của tất cả loại hình DN.

Vốn là một trong những tiêu thức cơ bản để phân loại quy mô của DN.

Trong nền KTTT, vốn là cơ sở để DN mở rộng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm, là điều kiện để DN hoạch định chiến lược và kế hoạch hoạt động SXKD.

1.2.2. Khái niệm và phân loại nguồn vốn của doanh nghiệp

Có thể hiểu : Nguồn vốn là nguồn hình thành nên các tài sản của DN.

Theo quan hệ sở hữu vốn: vốn chủ sở hữu và nợ phải trả

Theo thời gian huy động và sử dụng: Nguồn vốn tạm thời và nguồn vốn thường xuyên

Theo phạm vi huy động: Nguồn vốn bên trong và nguồn vốn bên ngoài

1.3. Huy động vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

1.3.1 Khái niệm về huy động vốn

Huy động vốn là các hoạt động của doanh nghiệp để tạo vốn cho hoạt động kinh doanh của mình dưới các hình thức khác nhau. Huy động vốn cũng có thể hiểu là việc các doanh nghiệp tiếp cận các nhà đầu tư để cung cấp thêm vốn cho doanh nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu về vốn của doanh nghiệp.

1.3.2 Phương thức huy động vốn cho hoạt động của DNNVV

1.3.2.1 Huy động vốn chủ sở hữu

Huy động vốn chủ sở hữu bao gồm: Huy động vốn góp ban đầu của chủ sở hữu và huy động tăng thêm vốn chủ sở hữu.

1.3.2.2 Huy động vốn vay nợ

Nguồn vốn vay nợ là nguồn vốn DN được quyền sử dụng vốn trong một khoảng thời gian nhất định, đồng thời có nghĩa vụ hoàn trả gốc và lãi theo thỏa thuận giữa DN và bên cung ứng vốn. DNNVV có thể huy động vốn vay nợ thông qua nhiều phương thức khác nhau, cụ thể là:

a. Huy động vốn tín dụng ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính khác

b. Huy động vốn tín dụng thương mại của nhà cung cấp

c. Huy động vốn từ các khoản nợ có tính chu kỳ

d. Phát hành trái phiếu

e. Thuê Tài sản

f. Huy động vốn từ nguồn tài trợ của Chính phủ

1.3.2.3 Phương thức khác để huy động vốn cho DNNVV

a. Huy động vốn từ cộng đồng (Equity Crowdfunding- ECF)

b. Bao thanh toán

c. Phương thức khác

1.3.3 Nguyên tắc huy động vốn cho hoạt động của DNNVV

DN tuân thủ năm nguyên tắc:

- Nguyên tắc đảm bảo tính tương thích
- Nguyên tắc cân đối giữa lợi nhuận và rủi ro
- Nguyên tắc đảm bảo quyền kiểm soát của chủ doanh nghiệp
- Nguyên tắc tài trợ linh hoạt
- Nguyên tắc tối thiểu hoá chi phí sử dụng vốn

1.3.4. Quy trình thực hiện huy động vốn của DNNVV

- Hoạch định huy động vốn của DNNVV
- Tổ chức thực hiện kế hoạch huy động vốn

- Tổng kết, phân tích, đánh giá việc thực hiện huy động vốn

1.3.5. Các chỉ tiêu phản ánh tình hình huy động vốn của DNNVV

- Quy mô vốn huy động
- Tốc độ tăng trưởng vốn huy động
- Cơ cấu vốn huy động

1.3.6 Nhân tố tác động tới hoạt động huy động vốn của DNNVV

- Nhân tố các nguồn tài trợ vốn:
- Nhân tố thách thức đối với huy động vốn cho DNNVV
- Nhân tố hỗ trợ huy động vốn cho DNNVV
- Nhân tố khác ảnh hưởng tới huy động vốn cho hoạt động của DNNVV

1.4. Kinh nghiệm về huy động vốn cho DNNVV

1.4.1. Kinh nghiệm quốc tế về huy động vốn cho DNNVV ở một số nước trên thế giới

- Kinh nghiệm huy động vốn cho DNNVV ở Hàn Quốc
- Kinh nghiệm huy động vốn cho DNNVV ở Singapore
- Kinh nghiệm huy động vốn cho DNNVV ở Thailand

1.4.2. Kinh nghiệm về huy động vốn cho DNNVV một số tỉnh ở Việt Nam

- Kinh nghiệm huy động vốn cho DNNVV ở tỉnh Bình Dương
- Kinh nghiệm về huy động vốn cho DNNVV ở thành phố Hồ Chí Minh
- Kinh nghiệm huy động vốn cho DNNVV ở Đà Nẵng

1.4.3 Một số bài học kinh nghiệm về huy động vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Tỉnh Nghệ An

Từ kinh nghiệm huy động vốn cho DNNVV của một số nước châu Á có đặc điểm tương đồng với Việt Nam và một số địa phương trong nước có nét tương đồng với tỉnh Nghệ An, DNNVV trên địa bàn Nghệ An có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:

Thứ nhất, DNNVV chú trọng tăng thêm vốn chủ sở hữu để tăng quy mô vốn.

Thứ hai, DNNVV chủ động nâng cao khả năng huy động vốn từ NHTM, TCTD để tăng nợ phải trả, tăng quy mô vốn.

Thứ ba, DNNVV tăng cường tiếp cận các kênh tài trợ vốn trực tiếp cho DNNVV của Chính phủ và địa phương nhằm gia tăng nguồn vốn.

Thứ tư, DNNVV chủ động tiếp cận các kênh tài trợ vốn trực tiếp từ các quỹ đầu tư tư nhân.

Thứ năm, DNNVV tích cực đầu tư đổi mới kỹ thuật, ứng dụng công nghệ tiên tiến vào SXKD.

Thứ sáu, DNNVV đẩy mạnh tham gia vào các tổ chức hiệp hội để tăng cơ hội vay vốn từ Quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNNVV, Quỹ phát triển DNNVV.

Thứ bảy, DNNVV tích cực huy động vốn bằng phát hành trái phiếu DN, chủ động liên kết với các DN lớn.

Thứ tám, DNNVV nâng cao kiến thức tài chính năng lực tuân thủ luật pháp luật.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

CHƯƠNG 2
THỰC TRẠNG HUY ĐỘNG VỐN CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN

2.1.Tổng quan về tình hình phát triển DNNVV trên địa bàn Nghệ An

2.1.1 Khái quát về điều kiện tự nhiên và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh Nghệ An

2.1.1.1 Về điều kiện tự nhiên

Về vị trí địa lý Nghệ An là tỉnh nằm trung tâm vùng bắc trung bộ, giáp tỉnh Thanh Hóa ở phía bắc, tỉnh Hà Tĩnh ở phía Nam, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ở phía Tây với 419 km đường biên giới trên bộ; bờ biển ở phía đông dài 82 km.Vị trí này tạo cho Nghệ An có vai trò quan trọng trong mối giao lưu kinh tế - xã hội Bắc - Nam, xây dựng phát triển kinh tế biển, và kinh tế đối ngoại, mở rộng hợp tác quốc tế.

2.1.1.2 Tình hình phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh Nghệ An

Trong những năm gần đây, nền kinh tế Nghệ An đã có bước phát triển tích cực, đạt được nhiều thành tựu đáng kể. Với tinh thần chủ động, đoàn kết, tích cực đổi mới sáng tạo tỉnh Nghệ An đã đạt được những kết quả quan trọng, thúc đẩy sự phát triển toàn diện của tỉnh. Với sự nỗ lực vượt bậc, trong 5 năm qua, kinh tế Nghệ An phát triển khá nhanh, toàn diện, theo hướng bền vững, tạo nền tảng thuận lợi cho giai đoạn tới.

2.1.2. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Tỉnh Nghệ An

2.1.2.1 Tổng quan về doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Nghệ An

a. Số lượng DNNVV và quy mô DNNVV

Theo số liệu thống kê, năm 2016, trên địa bàn Nghệ An có 9.818 DNNNVV đang hoạt động có kết quả kinh doanh, chiếm 99,04% tổng DN trên địa bàn, DNNVV luôn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số các DN và tỷ trọng tương đối ổn định qua các năm (trên 99%).

Bảng 2.3. Số lượng DNNVV trên địa bàn tỉnh Nghệ An

(Đơn vị tính: DN và %)

Năm	Tổng số DN đăng ký hoạt động	Số DN lớn	Số DNNVV	Tỉ trọng DNNVV %	Tốc độ tăng %
2016	9.913	95	9.818	99,04	
2017	10.883	103	10.780	99,05	10
2018	11.678	108	11.570	99,08	7,3
2019	12.399	113	12.286	99,09	6,2
2020	13.220	120	13.100	99,09	6,6

Nguồn: [10],[11],[12], tổng hợp của Nghiên cứu sinh

b. DNNVV theo hình thức pháp lý tổ chức doanh nghiệp

Trên địa bàn tỉnh Nghệ an giai đoạn 2016 – 2020 loại hình doanh nghiệp TNHH và Cổ phần chiếm tỷ trọng chủ yếu – hơn 80% tổng số DNNVV, trong đó loại hình công ty TNHH chiếm tỉ trọng hơn 55 % và có xu hướng tăng dần, từ 5.371 DN chiếm tỷ trọng 54,7% năm 2016 lên 7.890 DN chiếm tỷ trọng 60,23% năm 2020.

c. DNNVV theo ngành nghề kinh doanh

Xét theo ngành kinh tế, giai đoạn 2016-2020 ghi nhận xu hướng chuyển dịch theo ngành nông, lâm nghiệp, thuỷ sản chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong cơ cấu kinh tế, tiếp đến là các ngành công nghiệp, xây dựng, thương mại và dịch vụ có xu hướng tăng trưởng tốt.

Bảng 2.6. Số lượng DNNVV trên địa bàn tỉnh Nghệ An phân theo ngành kinh tế

(Đơn vị tính: DN)

	2016	2017	2018	2019	2020
Tổng số DNNVV	**9.818**	**10.780**	**11.570**	**12.286**	**13.100**
Nông - lâm - thủy sản	344	441	462	490	492
Công nghiệp - xây dựng	3.484	3.646	4.041	4.343	4.715
Thương mại – dịch vụ	5.990	6.693	7.067	7.453	7.893

Tỷ trọng %	100	100	100	100	100
Nông - lâm - thủy sản	4,36	4,09	4	3,99	3,76
Công nghiệp - xây dựng	34,63	33,82	34,92	35,35	35,99
Thương mại – dịch vụ	61	62,09	61,08	60,66	60,25

Nguồn: [10] và tổng hợp của nghiên cứu sinh

2.1.2.2. Khái quát tình hình tài chính của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Tỉnh Nghệ An

a. Cơ cấu vốn kinh doanh

Phân tích thực trạng huy động vốn cho DNNVV trên địa bàn Nghệ An giai đoạn 2016 - 2020, cần căn cứ vào cơ cấu vốn và cơ cấu nguồn vốn của DNNVV thể hiện ở bảng 2.7

Bảng 2.7. Cơ cấu vốn của DNNVV trên địa bàn Nghệ An tại thời điểm 31/12 hàng năm

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

Năm	2016	2017	2018	2019	2020
Vốn ngắn hạn	57.727,4	76.000,87	94.752,25	92.248,8	109.281,9
Tỷ trọng (%)	70,06	68,35	69,9	64,6	71,23
Vốn dài hạn	30.552,6	35.196,13	40.801,75	50.551,2	44.140,1
Tỷ trọng (%)	29,94	31,65	30,1	34,4	28,77
Tổng tài sản	**88.280**	**111.197**	**135.554**	**142.800**	**153.421**

Nguồn: [10],[11],[12], tổng hợp của Nghiên cứu sinh

b. Cơ cấu nguồn vốn kinh doanh

Với cơ cấu vốn thiên về vốn ngắn hạn thì cơ cấu nguồn vốn DNNVV trên địa bàn tỉnh Nghệ An có nợ phải trả chiếm tỷ trọng cao, thể hiện ở bảng 2.8.

Bảng 2.8. Cơ cấu nguồn vốn của DNNVV trên địa bàn Nghệ An tại thời điểm 31/12 hàng năm

Năm	2016	2017	2018	2019	2020
Vốn chủ sở hữu	33.011,82	42.026,51	57.730,74	56.418	54.468.58
Tỷ trọng	37,4	37,8	42,6	39,5	35,5
Nợ phải trả	55.268,18	69.170,49	77.823,26	86.382	92.391,6
Tỷ trọng	62,6	62,2	57,4	60,5	64,4
Tổng nguồn vốn	**88.280**	**111.197**	**135.554**	**142.800**	**153.421,2**

Nguồn: [10] và tổng hợp Nghiên cứu sinh

2.1.2.3. Kết quả và hiệu quả kinh doanh trong một số năm gần đây của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Tỉnh Nghệ An

Trong giai đoạn 2016-2020 mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng các DNNVV trên địa bàn tỉnh Nghệ An đã nỗ lực và đạt đươc nhiều kết quả khả quan. Bảng 2.10 cho thấy doanh thu thuần của doanh nghiệp vừa và nhỏ tăng ổn định hàng năm, từ 63,769 tỷ đồng năm 2016, đạt giá trị 87,472 tỷ đồng năm 2020.

2.2. Thực trạng huy động vốn cho hoạt động của DNNVV trên địa bàn Tỉnh Nghệ An

2.2.1. Thực trạng huy động vốn chủ sở hữu cho DNNVV

a. Quy mô vốn chủ sở hữu:

Giai đoạn 2016 - 2020, quy mô vốn chủ sở hữu của DNNVV trên địa bàn tỉnh Nghệ An ngày càng tăng, thể hiện ở bảng 2.12

Bảng 2.12. Quy mô vốn chủ sở hữu, hệ số vốn chủ sở hữu của DNNVV

Năm	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Tốc độ tăng vốn CSH năm n so với năm n-1 (%)	Hệ số vốn chủ sở hữu
2016	33.011,82	109,27	0,374
2017	42.026,5	127,3	0,378
2018	57.069,09	135,7	0,421
2019	56.244,2	98,55	0,422
2020	54.468,58	96,84	0,355

Nguồn: [10],[11],[12], tổng hợp của Nghiên cứu sinh

Bảng 2.12 cho thấy: Giai đoạn 2016 - 2020, vốn chủ sở hữu của DNNVV trên địa bàn tỉnh Nghệ an có xu hướng ngày càng tăng.

Hệ số vốn chủ sở hữu không cao, hầu hết DNNVV trên địa bàn tỉnh Nghệ An có nguồn vốn ban đầu hạn hẹp, việc huy động tăng thêm vốn chủ sở hữu cũng hạn chế.

b. Cơ cấu vốn chủ sở hữu:

Cơ cấu VCSH của DNNVV khu vực NN và khu vực ngoài NN được thể hiện ở bảng 2.14, 2.15 và biểu đồ 2.6, 2.7 như sau:

Bảng 2.14. Cơ cấu vốn chủ sở hữu của DNNVV khu vực NN

Đơn vị tính: %

Năm	2016	2017	2018	2019	2020
Vốn chủ sở hữu	**100**	**100**	**100**	**100**	**100**

+ Vốn NSNN	55,6	40,4	35,2	32,3	30,2
+ Vốn từ nhà đầu tư khác	44,4	59,6	64,8	67,7	69,8

Nguồn: [63] và tổng hợp của nghiên cứu sinh

Từ bảng 2.14 cho thấy ở các DNNVV khu vực nhà nước vốn NSNN có xu hướng giảm dần, vốn từ nhà đầu tư khác của doanh nghiệp chiếm tỷ trọng ngày càng lớn, điều này phù hợp với chính sách thoái vốn tại các doanh nghiệp nhà nước của chính phủ, đến năm 2019 tỷ lệ vốn NSNN chỉ chiếm 32.3% trong tổng vốn chủ sở hữu của DNNN.

c. Huy động VCSH từ quỹ đầu tư tư nhân (PE)

Với sự gia tăng nguồn vốn tư nhân, các quỹ đầu tư tư nhân quốc tế và ở việt nam ngày càng phát triển. Việt Nam là thị trường mới nổi, hội tụ nhiều yếu tố thuận lợi dân số đông, nền kinh tế ổn định, sự phát triển của công nghệ khiến Việt Nam trở thành một trong những quốc gia tiềm năng đối với dòng vốn đầu tư tư nhân. Trong năm 2018, các quỹ đầu tư đã đầu tư hơn 1,6 tỉ USD vào 38 thương vụ đầu tư từ quỹ đầu tư tư nhân (private equity - PE) tại Việt Nam.

Bảng 2.17 Số lượng quỹ đầu tư tư nhân đầu tư vào các DNNVV Nghệ An

(Đơn vị tính: Quỹ)

	2016	**2017**	**2018**	**2019**	**2020**
Số DN nhận đầu tư (DN)	-	-	10	7	8
Số vốn cam kết đầu tư (tỷ đồng)	-	-	4,5	4,3	69
Số quỹ PE đã đầu tư	-	-	2	5	5

Nguồn: Tổng hợp báo cáo kế hoạch đầu tư tỉnh Nghệ An

Ngoài huy động vốn chủ sở hữu từ các quỹ đầu tư tư nhân, thì huy động vốn nợ phải trả cũng là kênh huy động vốn mà DNNVV trên địa bàn tỉnh Nghệ An cần huy động để đáp ứng nhu cầu vốn của mình.

2.2.2. Thực trạng huy động vốn vay và các vốn nợ khác cho hoạt động của DNNVV trên địa bàn tỉnh Nghệ An

2.2.2.1 Thực trạng huy động vốn vay từ Ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính cho hoạt động của DNNVV

Huy động vốn từ NHTM, TCTC là hình thức huy động vốn chủ yếu, đóng vai trò quan trọng để tăng quy mô vốn đáp ứng nhu cầu vốn cho DNNVV trên địa bàn Nghệ An, song trên thực tế chỉ khoảng 36% DNNVV tiếp cận được với nguồn vốn tín dụng này. Quy mô tổng nguồn vốn cho DN, thể hiện ở bảng 2.18.

Bảng 2.18 Dư nợ cho vay DNNVV của NHTM, TCTC tại Nghệ An

(Đơn vị tính: tỷ đồng , %)

Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020
Tổng dư nợ cho vay trên địa bàn Nghệ An (tỷ đồng)	145.413	170.407	192.545	208.685	226,031
Dư nợ cho vay DNNVV trên địa bàn Nghệ An (tỷ đồng)	16.431,7	26.242,6	35.620,83	39.858,9	44.980,1
Tỷ trọng cho vay DNNVV/tổng dư nợ cho vay trên địa bàn(Đơn vị tính: %)	11,3%	15,4%	18,5%	19,1%	19,9%
Tốc độ tăng dư nợ cho vay DNNVV trên địa bàn Nghệ An (Đơn vị tính: %)	15%	59.7%	35.7%	11.9%	12.8%

Nguồn: tổng hợp báo cáo của NHNH tỉnh Nghệ An

Bảng 2.18 cho thấy, giai đoạn 2016 - 2019 tỷ trọng cho vay DNNVV trong tổng dư nợ cho vay toàn địa bàn ngày càng tăng. Năm 2016 tổng dư nợ cho vay là 145.413 tỷ đồng tăng 1.44 lần đạt giá trị 226.031 tỷ đồng vào năm 2020.

2.2.2.2. Thực trạng huy động vốn từ tín dụng thương mại

DNNVV trên địa bàn Nghệ An xuất phát từ quy mô nhỏ, huy động vốn từ NHTM, TCTC gặp nhiều khó khăn. Bởi vậy, tín dụng thương mại của nhà cung cấp là hình thức huy động vốn giúp DNNVV bổ sung tăng nợ phải trả cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Bảng 2.20. Vốn DNNVV huy động từ TDTM của nhà cung cấp

Bình	Vốn nợ phải trả	Vốn tín dụng	Vốn tín dụng

quân 1 năm	của DNNVV (tỷ đồng)	thương mại (tỷ đồng)	thương mại/nợ phải trả (%)
2016	55.268,18	16.856,79	30,5
2017	69.170,49	20.197,78	29,2
2018	78.823,26	22.543,45	28,6
2019	86.382	21.854,65	25,3
2020	92.391,6	25.407,69	27,5

Nguồn: Tổng hợp số liệu từ báo cáo của NHNN tỉnh Nghệ An

Nguồn vốn DNNVV huy động từ tín dụng thương mại của nhà cung cấp đã làm tăng quy mô nợ phải trả, tăng quy mô tổng nguồn vốn đáp ứng nhu cầu vốn cho DNNVV trên địa bàn Nghệ An.

2.2.2.3. Thực trạng huy động vốn nợ phải trả từ phát hành trái phiếu và thuê tài sản

Đối với DNNVV trên địa bàn Nghệ An, huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu DN là một hình thức khá mới mẻ. Nguồn vốn DNNVV Nghệ An huy động từ Trái phiếu và Thuê tài chính thể hiện ở bảng 2.21

Bảng 2.21. Nguồn vốn DNNVV Nghệ An huy động từ trái phiếu DN và Thuê tài chính

(Đơn vị tính: Tỷ đồng, %)

Năm	Nợ phải trả		Vốn từ Trái phiếu DN		Vốn huy động từ thuê tài chính	
	Giá trị	Tỷ trọng %	Giá trị	Tỷ trọng %	Giá trị	Tỷ trọng %
2016	55.268,18	100	-	-	73,79	0,13
2017	69.170,49	100	-	-	69,21	0,10
2018	78.823,26	100	-	-	81,16	0,11
2019	86.382	100	-	-	88,47	0,10
2020	92.391,6	100	200	0.22	87,36	0,09

Nguồn: thông kê số liệu từ wepsite UBCK nhà nước

Đối với DNNVV, thuê tài sản là một kênh huy động vốn phù hợp vì không cần tài sản thế chấp mà dùng chính tài sản đi thuê làm TSĐB;

Khi hệ thống tài chính ngày càng phát triển thì nguồn vốn từ trái phiếu và vốn thuê tài chính vẫn là hai nguồn vốn tiềm năng của các doanh nghiệp

vừa và nhỏ bởi đây là nguồn vốn nợ không cần tài sản đảm bảo phù hợp với DNNVV.

2.2.2.4 Huy động vốn từ nguồn vốn ưu đãi của địa phương, Chính phủ

Các DNNVV trên địa bàn tỉnh Nghệ An chưa tiếp cận được với nguồn vốn từ quỹ hỗ trợ DNNVV của chính phủ, do năng lực chuẩn bị hồ sơ theo yêu cầu của quỹ còn hạn chế, hơn thế nữa thời gian xét duyệt và thẩm định khá lâu do qua khâu trung gian là NHTM.

2.2.2.5. Thực trạng các hình thức huy động nguồn vốn nợ phải trả khác DNNVV tại DNNVV

Các khoản nợ phải trả khác được DNNVV sử dụng để tăng nợ phải trả, tăng quy mô nguồn vốn, thể hiện ở bảng 2.23.

Bảng 2.23. Nguồn vốn DNNVV huy động từ các khoản nợ phải trả khác

(Đơn vị tính: tỷ đồng và %)

Bình quân 1 năm	Nợ phải trả	Vốn các khoản nợ khác	Vốn các khoản nợ khác /Nợ phải trả (%)
2016	55.268,18	14.794,85	39,67
2017	69.170,49	15.813,05	32,8
2018	78.823,26	11.988,43	26,09
2019	86.382	16.030,25	28,5
2020	92.391,6	13.688,57	23,71

Nguồn: tổng hợp của NCS

Trong nợ phải trả của DNNVV trên địa bàn Nghệ An thì: Vốn huy động từ NHTM, TCTC chiếm tỷ trọng chủ yếu, vốn huy động từ trái phiếu DN và thuê tài chính chiếm tỷ trọng rất nhỏ.

2.2.3 Thực trạng về quy trình huy động vốn cho DNNVV trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Các DNNVV trên địa bàn tỉnh Nghệ An chủ yếu vẫn là các DN nhỏ và siêu nhỏ, hầu hết các DN chưa chú trọng xây dựng quy trình huy động vốn, số liệu từ kết quả khảo sát hơn 400 DNNVV trên địa bàn cho thấy tỉ lệ DN thực hiện theo các quy trình huy động vốn rất thấp thể hiện ở bảng sau:

Bảng 2.25: Thống kê kết quả khảo sát việc thực hiện quy trình huy động vốn cho DNNVV trên địa bàn tỉnh Nghệ An

STT	Quy trình huy động vốn		Số lượng	Tỷ trọng
1	Hoạch định	Xác định nhu cầu vốn	88	22%

	huy động vốn	Xác định cơ cấu nguồn vốn	30	7.5%
		Xây dựng phương án huy động vốn	76	19%
2	Thực hiện huy động vốn		62	15%
3	Tổng kết phân tích, đánh giá việc thực hiện huy động vốn		20	5%

2.3. Ảnh hưởng của các nhân tố đến khả năng huy động vốn cho DNNVV trên địa bàn tỉnh Nghệ An

2.3.1 Phương pháp phân tích

2.3.1.1. Mô hình phân tích

- Biến phụ thuộc: HDV: Huy động vốn cho DNNVV
- Biến độc lập:

NV: Nguồn vốn

TT: Thách thức đối với huy động vốn

HT: Hỗ trợ huy động vốn

- Mô hình hồi quy mẫu:

HDV = α0 + α1* NV + α2* TT + α3*HT + zi

2.3.1.2 Chọn mẫu

Danh sách được chọn ngẫu nhiên dựa vào tỉ lệ phân bố DN trên toàn tỉnh, phiếu được gửi đến 160 DN ở TP Vinh, ở 3 thị xã Cửa Lò, Hoàng Mai, Thái Hòa và 7 huyện Diễn Châu, Quỳnh lưu, Nghi Lộc, Đô Lương, Yên Thành, Hưng Nguyên, Nam Đàn, mỗi địa phương khảo sát 20 DN; 9 huyện còn lại gồm Quế Phong, Nghĩa Đàn, Quỳ Châu, Kỳ Sơn, Tương Dương, Con Cuông, Anh Sơn, Quỳ hợp, Tân kỳ mỗi huyện lấy 10 phiếu khảo sát. Kết quả thu được 408 phiếu khảo sát có phản hồi, sau khi sàng lọc, chỉ còn 400 phiếu hợp lệ được đưa vào xử lý và phân tích.

2.3.1.3 Phương pháp thu thập dữ liệu và thang đo

* Phương pháp thu thập dữ liệu

Nhà nghiên cứu đã sử dụng bảng câu hỏi với thang điểm Likert năm cấp.

2.3.1.4 Kĩ thuật phân tích dữ liệu

Phần mềm spss 20 được sử dụng để phân tích dữ liệu.

2.3.2 Kết quả nghiên cứu

2.3.2.1 Thống kê mô tả

Luận án tiến hành tổng hợp số liệu của 400 phiếu khảo sát thu về từ 400 DNNVV tỉnh Nghệ An, thu được số liệu như sau:

Bảng 2.29 Thống kê doanh nghiệp theo quy mô

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Siêu nhỏ	164	41.0	41.0	41.0
	Nhỏ	152	38.0	38.0	79.0
	Vừa	84	21.0	21.0	100.0
	Total	400	100.0	100.0	

Nguồn: thống kê của NCS từ SPSS 20

2.3.2.2 Phân tích độ tin cậy và sự phù hợp của thang đo

a) Kiểm định độ tin cậy của thang đo

Tổng hợp kết quả cho thấy: hệ số Cronbach's alpha nhân tố ảnh hưởng tới việc huy động vốn đều lớn hơn 0.7, đồng thời tương quan biến - tổng của các biến đều đạt yêu cầu và độ tin cậy (>0,30).

b) Phân tích nhân tố khám phá EFA

Hệ số KMO có giá trị từ 0,774 đến 0,906 và sig = 0,000 nên dữ liệu dùng để phân tích nhân tố là hoàn toàn thích hợp.

Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA có 4 nhân tố được xác định và đặt lại tên nhân tố, mã hóa biến theo giá trị trung bình như sau:

Bảng 2.37: Nhóm nhân tố được xác định sau kiểm định EFA

STT	Biến quan sát	Tên nhóm biến được đặt lại	Mã hóa nhóm biến mới
1	NV1,NV2,NV3,NV4	Nguồn tài trợ vốn chính	NVC
2	NV5,NV6	Nguồn tài trợ vốn tiềm năng	NVTN
3	TT1,TT2,TT3,TT4	Thách thức đối với huy động vốn	TT
4	HT1,HT2,HT3,HT4,HT5	Hỗ trợ huy động vốn	HT

Nguồn: Kết quả phân tích của tác giả

2.3.2.2 Phân tích tương quan và hồi quy

a) Phân tích tương quan

Một phân tích tương quan đã được thực hiện cho nghiên cứu này để xác định xem liệu có tồn tại bất kỳ mối quan hệ giữa các biến nghiên cứu.

b) Phân tích hồi quy

Bảng 2.38: ANOVA

Model	Sum of Squares	Df	Mean Square	F	Sig.
Regression	44.239	4	11.060	458.825	.000[b]
Residual	9.521	395	.024		
Total	53.760	399			
a. Dependent Variable: HUY DONG VON					
b. Predictors: (Constant), HỖ TRỢ HUY DONG VON, THACH THUC TRONG HUY DONG VON, NGUON VON CHÍNH, NGUON VON TIEM NANG					

Bảng ANOVA cho chúng ta kết quả kiểm định F để đánh giá giả thuyết sự phù hợp của mô hình hồi quy.

Bảng 2.39: Model Summary[b]

Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Durbin-Watson
1	.907[a]	.823	.821	.155	.132
a. Predictors: (Constant), HỖ TRỢ HUY DONG VON, THACH THUC ĐỐI HUY DONG VON, NGUON VON CHÍNH, NGUON VON TIEM NANG					
b. Dependent Variable: HUY DONG VON					

Bảng Coefficients cho chúng ta kết quả kiểm định t để đánh giá giả thuyết ý nghĩa hệ số hồi quy, chỉ số VIF đánh giá đa cộng tuyến và các hệ số hồi quy. Từ các hệ số hồi quy xây dựng được hai phương trình hồi quy chuẩn hóa và chưa chuẩn hóa theo thứ tự như sau:

HDV=0.275 NVC+0.089 NVTN+0.239 TT+0.579 HT+ε

HDV=-1.038+0.145 NVC+0.182 NVTN+0.140 TT+0.311 HT+ ε

Phân tích hệ số chuẩn hóa: Hệ số này xác định vị trí ảnh hưởng của các biến độc lập đến biến phụ thuộc.

2.3.3.3 Nhận xét chung

Khả năng huy động vốn của các DNNVV trên địa bàn tỉnh Nghệ An hiện nay vẫn còn thấp với 84% DN thiếu vốn, chỉ có 16% DN đủ vốn. Dựa vào phân tích hồi quy cho thấy 4 nhân tố ảnh hưởng 82.1% sự biến thiên của khả năng huy động vốn.

2.4. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG HUY ĐỘNG VỐN CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN NGHỆ AN

2.4.1. Những kết quả đạt được trong huy động vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Nghệ An giai đoạn 2016 - 2020.

2.4.1.1 Kết quả huy động vốn chủ sở hữu cho DNNVV

- Một là, Quy mô vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Nghệ An tăng.
- Hai là, Vốn chủ sở hữu trong các doanh nghiệp ngoài nhà nước luôn chiếm tỷ trọng lớn, và có xu hướng tăng lên, khai thác được nguồn vốn của bộ phận kinh tế ngoài nhà nước.
- Ba là: Nguồn vốn chủ sở hữu được huy động đa dạng với nhiều hình thức.

2.4.1.2 Kết quả huy động nợ phải trả của DNNVV

- Một là, Quy mô vốn nợ phải trả tăng tác động đến doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Nghệ An.
- Hai là, tỷ trọng huy động vốn từ các NHTM và tổ chức tài chính của các DNNVV cao, ngày càng tăng.
- Ba là, Nguồn vốn tín dụng thương mại tăng và chiếm tỷ trọng tương đối lớn.
- Bốn là: Nguồn nợ phải trả được huy động đa dạng với nhiều hình thức.

2.4.2. Hạn chế và nguyên nhân hạn chế trong huy động vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Nghệ An

2.4.2.1. Những hạn chế trong huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Thứ nhất, quy mô tổng nguồn vốn huy động của DNNVV hạn chế

Thứ hai, khả năng huy động vốn của nhiều DNNVV trên địa bàn Nghệ An từ NHTM, TCTC gặp khó khăn.

Thứ ba, khả năng huy động vốn từ TTCK của DNNVV trên địa bàn Nghệ An thấp.

Thứ tư, huy động vốn từ thuê tài sản chưa phải là kênh hấp dẫn với DNNVV

Thứ năm, DNNVV hạn chế về khả năng tiếp cận và huy động vốn từ các Quỹ hỗ trợ của Chính phủ và tỉnh.

Thứ sáu, nhiều doanh nghiệp không thực hiện huy động vốn theo quy trình.

2.4.2.2. Nguyên nhân hạn chế trong huy động vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

a. Nguyên nhân chủ quan

Thứ nhất, DNNVV chưa đa dạng hóa các nguồn tài trợ, chưa khai thác được các nguồn tài trợ tiềm năng.

Thứ hai, Còn nhiều thách thức đối với hoạt động huy động vốn cho DNNVV.

Thứ ba, Các nhân tố hỗ trợ cho hoạt động huy động vốn chưa đạt hiệu quả. DNNVV chưa khai thác được các chương trình hỗ trợ của chính phủ, của tỉnh.

Thứ tư, Quy trình huy động vốn chưa được chú trọng.

b. Nguyên nhân khách quan

Thứ nhất, Nguồn tài trợ vốn còn hạn chế về quy mô.

Thứ hai, Các nhân tố hỗ trợ cho hoạt động huy động vốn còn yếu, chưa được chú trọng.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

CHƯƠNG 3
GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HUY ĐỘNG VỐN CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN ĐẾN NĂM 2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

3.1. Định hướng huy động vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Nghệ An

3.1.1. Đặc điểm kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An ảnh hưởng đến huy động vốn cho DNNVV trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Tỉnh Nghệ An đang xây dựng là trung tâm chính trị, trung tâm văn hóa, khoa học, giáo dục, kinh tế vùng Bắc trung bộ. Chính quyền Tỉnh luôn đồng hành cùng DN trong khơi thông các nguồn lực đầu tư, ứng dụng khoa học công nghệ để hỗ trợ DNNVV phát triển.

3.1.2. Định hướng huy động vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Nghệ An

- Thứ nhất, Tăng dư nợ cho vay đối với DNNVV trên địa bàn Tỉnh
- Thứ hai: Nâng cao hiệu quả hoạt động của quỹ bảo lãnh tín dụng DNNVV.
- Thứ ba, Hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp huy động vốn.
- Thứ tư, Khuyến khích phát triển đa dạng thị trường vốn và thị trường tài chính nghệ an nhằm trợ giúp DNNVV trên địa bàn Nghệ An huy động vốn.
- Thứ năm, Khuyến khích các DNNVV tham gia thực hiện liên kết, liên doanh, tham gia chuỗi giá trị, đồng thời phát triển DNNVV thông qua phát triển thầu phụ.

- Thứ sáu, Tiếp tục các chương trình kết nối doanh nghiệp với nhà đầu tư đặc biệt là các doanh nghiệp khởi nghiệp.

3.1.3. Quan điểm hoàn thiện giải pháp huy động vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Giải pháp hoàn thiện huy động vốn cho DNNVV trên địa bàn Nghệ An cần quán triệt các quan điểm sau:

Một, Huy động vốn cho DNNVV là chiến lược lâu dài, nhất quán, là nhiệm vụ trọng tâm trong chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Nghệ An.

Hai, Chủ động, tích cực thực hiện các giải pháp huy động vốn chủ sở hữu và nợ phải trả là quan điểm xuyên suốt để huy động vốn cho DNNVV trên địa bàn Nghệ An.

Ba, Huy động tăng quy mô vốn cho DNNVV trên địa bàn Nghệ An là giải pháp thường xuyên và lâu dài, là trách nhiệm của mỗi DNNVV, Chính phủ, Tỉnh và các tổ chức cung ứng vốn.

Bốn, Quán triệt quan điểm toàn diện, đồng bộ trong thực hiện các giải pháp hoàn thiện huy động vốn cho DNNVV trên địa bàn Nghệ An.

3.2. Giải pháp hoàn thiện huy động vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Tỉnh Nghệ An

3.2.1. Khai thác tối đa các nguồn lực tài chính để gia tăng vốn chủ sở hữu

Thứ nhất, DNNVV trên địa bàn Nghệ An huy động tăng vốn chủ sở hữu từ lợi nhuận sau thuế.

Thứ hai, DNNVV trên địa bàn Nghệ An cần chú trọng huy động tăng vốn chủ sở hữu từ việc tăng vốn góp của các thành viên là chủ sở hữu hiện hành (đối với công ty cổ phần là phát hành cổ phiếu mới dành cho cổ đông hiện hành).

Thứ ba, DNNVV cần khai thác nguồn vốn chủ sở hữu từ các quỹ đầu tư tư nhân (PE), quỹ đầu tư mạo hiểm (VE), các nhà đầu tư thiên thần (Angel).

Thứ tư, DNNVV là công ty cổ phần trên địa bàn Nghệ An tăng vốn chủ sở hữu bằng phát hành cổ phiếu mới thông qua sàn chứng khoán.

3.2.2. Đa dạng hóa phương thức huy động vốn vay

Thứ nhất, DNNVV tăng cường khả năng huy động vốn từ NHTM, TCTC.

Thứ hai, Tăng cường khai thác nguồn vốn Tín dụng thương mại.

Thứ ba, DNNVV mở rộng hình thức huy động vốn bằng phát hành trái phiếu.

Thứ tư, Giải pháp DNNVV huy động vốn thuê tài chính để hoạt động.

Thứ năm, Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, DNNVV tham gia chuỗi giá trị tăng cường tiếp cận nguồn vốn từ quỹ phát triển DNNVV

Thứ sáu, Duy trì và mở rộng huy động vốn từ người thân, gia đình, bạn bè.

3.2.3 Hạn chế các thách thức đối với hoạt động huy động vốn

Thứ nhất, DNNVV cần nắm bắt, cập nhật các thông tin tài chính.

Thứ hai, DNNVV cần minh bạch thông tin của mình.

Thứ ba, tối thiểu hóa chi phí sử dụng vốn.

Thứ tư, Tiếp cận các nguồn vốn có điều kiện cung ứng vốn phù hợp với năng lực của DNNVV, chủ động đáp ứng các điều kiện của tổ chức cung ứng vốn.

3.2.4 Tăng cường hỗ trợ huy động vốn cho DNNVV

Thứ nhất, thường xuyên đào tạo kiến thức tài chính cho đội ngũ quản lý, lãnh đạo của các DNNVV.

Thứ hai, Khai thác tối đa các chương trình hỗ trợ của chính phủ.Chính phủ

Thứ ba, đẩy mạnh các chương trình kết nối DN với bên cung ứng vốn.

Thứ tư, tăng cường tham gia và hoạt động sôi nổi tại hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Nghệ An.

Thứ năm, Tham gia và tăng cường huy động vốn từ thị trường chứng khoán dành cho DNNVV (thị trường HXN, thị trường Upcom).

3.2.5 Tăng cường thực hiện quy trình huy động vốn cho các DNNVV.

Các DNNVV trên địa bàn tỉnh Nghệ An cần tăng cường thực hiện huy động vốn theo quy trình hợp lý.

3.3. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HUY ĐỘNG VỐN TẠI DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN

3.3.1. Đối với các tổ chức cung ứng vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

3.3.1.1. Đối với ngân hàng thương mại, tổ chức tài chính. Đối với các

Thứ nhất, NHTM, TCTC tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách hoạt động cho vay đối với DNNVV.

Thứ hai, NHTM, TCTC đẩy mạnh huy động để tăng thêm quy mô vốn.

Thứ ba, NHTM, TCTC cần đa dạng các hình thức cho vay, nâng cao tỷ trọng cho vay trung và dài hạn đối với khách hàng DNNVV trên địa bàn Nghệ An.

Thứ tư, NHTM, TCTC kết hợp nhiều sản phẩm dịch vụ cung cấp cho DNNVV, phát triển dịch vụ "trọn gói" cho DNNVV để hạ lãi suất cho vay.

Thứ năm, NHTM, TCTC trên địa bàn Nghệ An tích cực cải tiến thủ tục cho vay, nâng cao năng lực của cán bộ thực hiện cho vay DNNVV.

Thứ sáu, NHTM, TCTC xây dựng kế hoạch mở rộng mạng lưới cho vay khách hàng DNNVV.

Thứ bảy, NHTM, TCTC cần xây dựng chiến lược khách hàng kết hợp với thông tin quảng bá sản phẩm tín dụng.

Thứ tám, Các NHTM, TCTC ứng dụng phương pháp tính điểm tín dụng trong hoạt động cho vay DNNVV.

Thứ chín Các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin.

Thứ mười, tổ chức nhiều buổi hội thảo hội nghị kết nối ngân hàng với DN.

3.3.1.2. Đối với huy động vốn từ trái phiếu DN và thị trường chứng khoán

- Chính phủ sớm xây dựng thị trường chứng khoán dành riêng cho DNNVV
- Nhanh chóng triển khai, nhân rộng mô hình "nền tảng gọi vốn cộng đồng" (crowdfunding).
- Áp dụng thí điểm và hiện thực hóa mô hình nền tảng giao dịch cổ phần của các DN khởi nghiệp sáng tạo.
- Chính phủ nâng cấp TTCK giúp DNNVV tăng khả năng huy động vốn trên TTCK.

3.3.1.3. Đối với các Công ty cho thuê tài chính

Thứ nhất, Các công ty cho thuê tài chính cần tăng cường tiềm lực vốn

Thứ hai, Đa dạng hóa phương thức cho thuê tài chính

Thứ ba, Công ty CTTC tích cực quản trị rủi ro, giảm thiểu nợ xấu

Thứ tư, Công ty CTTC cần quảng bá rộng rãi các dịch vụ thuê tài sản đến đối tượng khách hàng DNNVV.

Thứ năm, Các công ty CTTC đẩy mạnh liên kết với NHTM để mở rộng hình thức thuê tài sản đến các DNNVV.

3.3.1.4. Đối với các Quỹ hỗ trợ phát triển DNNVV

Để Quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNNVV hoạt động có hiệu quả, cần:

- Bổ sung thêm các chức năng cho Quỹ.
- Xây dựng cơ chế nhận ủy thác quản lý vốn đầu tư của các .
- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các văn bản pháp lý hỗ trợ DNNVV để chính sách hỗ trợ phù hợp.

- Triển khai mô hình cho vay tín chấp đối với DNNVV.

3.3.2. Đối với các cơ quan quản lý Nhà nước.

3.3.2.1. Đối với Chính phủ.

- Chính phủ, các bộ, ngành xây dựng, triển khai nhiều chính sách hỗ trợ DNNVV, tiếp tục cải cách hành chính trong lĩnh vực thuế, hải quan, hỗ trợ thuế cho DNNVV.
- Phát triển cân bằng thị trường tài chính, nhất là TTCK
- Các cơ quan quản lý nhà nước triển khai đồng bộ, có hiệu quả Luật hỗ trợ DNNVV và các chính sách hỗ trợ Chính phủ, bộ, ngành đã ban hành.

3.3.2.2. Đối với Ngân hàng nhà nước

Để mở rộng hoạt động tín dụng, đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho DNNVV trên địa bàn Nghệ An, NHNN cần:

- NHNN phối hợp với các Bộ, ngành và tỉnh Nghệ An trong triển khai đồng bộ các chính sách hỗ trợ DNNVV.
- Hoàn thiện chính sách phát triển thị trường vốn thông qua đẩy nhanh quá trình cổ phần hóa DNNN.
- NHNN có chính sách khuyến khích NHTM, TCTC dành tỷ lệ dư nợ tín dụng cho DNNVV cao hơn trong tổng dư nợ cho vay.

3.3.2.3. Đối với tỉnh Nghệ An

- Tỉnh mở rộng các kênh huy động vốn đa dạng.
- Tỉnh xây dựng quy chế cho DNNVV trên địa bàn Nghệ An huy động vốn bằng áp dụng mô hình huy động vốn cộng đồng (CFM).
- Tỉnh tích cực triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ DNNVV
- Tỉnh định kỳ tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện chủ trương, chính sách của Chính phủ và Tỉnh trong hỗ trợ vốn cho DNNVV trên địa bàn.

3.3.2.4. Đối với Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Nghệ An

- Hiệp hội DNNVV Nghệ An tích cực tuyên truyền và nâng cao nhận thức về lợi ích và nghĩa vụ của minh bạch thông tin hoạt động DN cho các DNNVV.
- Hiệp hội DNNVV Nghệ An định kỳ tổ chức các buổi hội thảo, các khóa đào tạo chuyên môn về tài chính kế toán, quản trị DN.
- Hiệp hội DNNVV tỉnh Nghệ An phải là tổ chức đại diện bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp, chính đáng của DNNVV trên địa bàn.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

KẾT LUẬN

CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Thị Anh Giang (2021), " Thách thức trong huy động vốn đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa", T/C Kinh tế châu á- Thái bình dương, số 595 (19) tháng 8/2021.
2. Nguyễn Thị Anh Giang (2022), "Kinh nghiệm huy động vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa từ Singapore và Hàn Quốc", T/C Kinh tế Châu á – Thái bình dương, số 610 (128) tháng 5/2022